

## VỢ CHỒNG A PHỦ ( Tô Hoài )

### MỤC TIÊU CẦN ĐẠT :

1. Những nét chính về nhà văn Tô Hoài.
2. Nét độc đáo trong hình tượng nhân vật Mị.
3. Nét độc đáo trong hình tượng nhân vật A Phủ.
4. Giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo mới mẻ, sâu sắc của truyện ngắn “*Vợ chồng A Phủ*”.
5. Những nét đặc sắc nghệ thuật chính của truyện ngắn “*Vợ chồng A phủ*”:
  - 5.1/ Nghệ thuật khắc họa tính cách nhân vật, miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật tinh vi, sắc sảo
  - 5.2/ Nghệ thuật trần thuật linh hoạt, lời văn tinh tế, giàu hình ảnh, giàu chất thơ, đậm đà màu sắc dân tộc:
    - + *Lối viết thiên về miêu tả thực tế đời thường;*
    - + *Những phát hiện mới mẻ và thú vị về các nét lạ trong phong tục tập quán và lối sống của người Hmông;*
    - + *Giọng điệu trữ tình, hấp dẫn và lôi cuốn qua miêu tả nhân vật, thiên nhiên, sinh hoạt;*
    - + *Ngôn ngữ giản dị, phong phú và đầy sáng tạo, mang đậm bản sắc Tô Hoài.*
6. Rèn luyện kĩ năng phân tích tác phẩm tự sự.

### KIẾN THỨC CƠ BẢN:

#### A.KHÁI QUÁT

##### **I. Tác giả:**

##### **1. Tiểu sử:**

- Tô Hoài sinh năm 1920, tên khai sinh là Nguyễn Sen. Quê ở huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông (nay là Hà Nội).
- Gia đình thợ thủ công. Chỉ học hết bậc tiểu học, phải lăn lộn kiếm sống bằng nhiều nghề trước khi cầm bút.
- Năm 1943, gia nhập Hội Văn hóa cứu quốc.
- Ông là nhà văn lớn, được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật năm 1996.

##### **2. Con người:**

- Gắn bó sâu sắc với lứa tuổi thiếu nhi (viết nhiều tác phẩm cho trẻ em).
- Đi nhiều, vốn sống phong phú, đặc biệt trong lĩnh vực phong tục và sinh hoạt đời thường. Đây là cơ sở để làm nên những trang viết chân xác, đậm thấm về đất và người nhiều vùng đất, nhất là đất và người Tây Bắc.
- Có cái nhìn hồn nhiên, trong trẻo mà sắc sảo, hóm hỉnh, thông minh về các sự vật, hiện tượng, con người trong cuộc sống.

### 3. Sáng tác:

- **Thể loại:** đa dạng (truyện ngắn, tiểu thuyết, kí, tự truyện, tiểu luận, kinh nghiệm sáng tác).
- **Số lượng:** gần 200 tác phẩm.
- **Đề tài:** 2 đề tài.
  - + Đồng thoại về thế giới loài vật.
  - + Cuộc sống, số phận và vẻ đẹp người lao động nghèo ở miền xuôi và miền ngược.
- **Nội dung:**
  - + Cái nhìn trù mẫn, bao dung, nhân ái, độ lượng với trẻ thơ.
  - + Giá trị hiện thực, nhân đạo mới mẻ, độc đáo.
- **Nghệ thuật:**
  - + Khả năng miêu tả, phân tích tâm lí nhân vật chân xác, sâu sắc, tinh tế.
  - + Cách kể chuyện sống động, hóm hỉnh, có duyên.
  - + Lời văn giàu tính tạo hình và chất thơ.
- **Tác phẩm chính:** *Đế mèn phiêu lưu kí* (truyện, 1941), *O chuột* (tập truyện, 1942), *Quê người* (tiểu thuyết, 1942), *Nhà nghèo* (tập truyện ngắn, 1944), *Truyện Tây Bắc* (tập truyện, 1953), *Miền Tây* (tiểu thuyết, 1967), *Cát bụi chân ai* (hồi kí, 1992), *Chiều chiều* (tự truyện, 1999), *Ba người khác* (tiểu thuyết, 2006).

## II. Tác phẩm:

### 1. Hoàn cảnh sáng tác:

- 1952, Tô Hoài theo đơn vị bộ đội vào giải phóng Tây Bắc, sống gần bó với đồng bào 8 tháng.

Tô Hoài thuật lại: “*Cái kết quả lớn nhất và trước nhất của chuyến đi tám tháng ấy là đất nước và người miền Tây đã để thương để nhớ cho tôi nhiều quá, tôi không thể bao giờ quên. Tôi không thể bao giờ quên được lúc vợ chồng A Phủ tiễn tôi ra khỏi hốc núi làng Tà Sùa rồi cũng vẫy tay gọi theo: “Chéo lù! Chéo lù!” (Trở lại! Trở lại!). Không bao giờ tôi quên được vợ chồng Lý Nủ Chu tiễn chúng tôi dưới chân núi Cao Phạ cũng vẫy tay kêu: “Chéo lù! Chéo lù!”.* Hai tiếng “Trở lại! Trở lại!” chẳng những nhắc tôi có ngày trở lại, phải đem trả lại cho những người thương ấy của tôi một kỉ niệm tấm lòng mình, một cái gì làm hiện lại cả cuộc đời người Hmông trung thực, chí tình, dù gian nan đến thế nào bao giờ cũng đợi cán bộ, đợi bộ đội, bao giờ cũng mong anh em trở lại(...). Hình ảnh Tây Bắc đau thương và dũng cảm lúc nào cũng thành nét, thành người, thành việc trong tâm trí tôi(...), vì thế tôi viết *Truyện Tây Bắc*”.

Như vậy, với sự am hiểu tường tận cuộc sống, phong tục, với tâm hồn phóng khoáng, tự do, phảng phất chút hoang dại của đồng bào miền núi, với nỗi ám ảnh về những kỉ niệm gần bó và món nợ ân tình với người dân Tây Bắc, Tô Hoài viết tập “*Truyện Tây Bắc*”(1953), gồm 3 truyện: *Cứu đất cứu mường*, *Mường Giôn* và *Vợ chồng A Phủ*. Trong đó, *Vợ chồng A Phủ* là truyện ngắn thành công nhất.

-Tập “*Truyện Tây Bắc*” thể hiện một cách xúc động cuộc sống tủ nhục của đồng bào miền núi Tây Bắc dưới ách phong kiến và thực dân. Họ bị tước đoạt tài sản, bóc lột sức lao động và xúc phạm nhân phẩm. Trong cảnh đau thương tột cùng đó, Cách mạng đã đến với họ và họ đã thức tỉnh.

Tác phẩm được tặng giải nhất - Giải thưởng Hội Văn nghệ Việt Nam 1954-1955.

### 2. Cốt truyện: .

*Biên soạn: Phan Văn Thân*

Dựa vào một câu chuyện có thật. Tô Hoài viết truyện “*Vợ chồng A Phủ*”.

**Truyện ngắn này kể lại cuộc đời của đôi vợ chồng người Hmông - Mị và A Phủ - từ chỗ là kẻ nô lệ đau khổ trong nhà tên thống lí Pá Tra, rồi giúp nhau thoát được, đến khi gặp cán bộ cách mạng trở thành những quần chúng trung kiên, những đội viên tích cực.**

Cốt truyện của tác phẩm khá đơn giản, bám sát theo diễn biến của cuộc đời hai nhân vật chính và được trình bày theo trình tự thời gian. Cốt truyện gồm hai chặng ở hai địa điểm Hồng Ngài và Phiềng Sa, xoay quanh hai nhân vật Mị và A Phủ.

### **- Chặng 1: Mị và A Phủ ở Hồng Ngài.**

Ở chặng này, Tô Hoài đã kể lại một cách khá trọn vẹn các tình tiết: có giới thiệu, có mở mối, phát triển, thắt nút và giải quyết. Hai nhân vật chính được giới thiệu lai lịch, dung mạo, rồi cùng sống trong một hoàn cảnh và dẫn tới sự gặp gỡ, thông cảm giữa họ với nhau. Mâu thuẫn giữa A Phủ và Mị (hai nông nô) với bố con Pá Tra (đại diện cho thế lực phong kiến miền núi) đã phát triển đến gay gắt, đưa tới hành động đấu tranh tự phát của Mị và A Phủ để giải thoát: cắt dây trói, trốn đi.

Đoạn đầu của tác phẩm là quãng đường đấu tranh tự phát của Mị và A Phủ.

### **- Chặng 2: Mị và A Phủ ở Phiềng Sa.**

Đến Phiềng Sa, Mị và A Phủ đã thành vợ thành chồng. Họ mong muốn và bắt tay vào xây dựng một cuộc sống hạnh phúc đơn sơ nhưng lại bị bọn Tây ở đồn Bản Pe cướp phá. Từ đây bắt đầu một quá trình giác ngộ của vợ chồng A Phủ, qua hai bước: gặp Tây đồn và gặp cán bộ A Châu. Những ngộ nhận ở họ được giải quyết và họ đã có được những nhận thức đúng đắn về bạn và thù. Họ còn được thử thách và trưởng thành trong cuộc chiến đấu chống giặc lên can quét khu du kích Phiềng Sa.

Đoạn thứ hai của tác phẩm là quá trình giác ngộ và trưởng thành của Mị và A Phủ dưới ánh sáng của Đảng, trong hoàn cảnh khu du kích Phiềng Sa.

Như vậy, cốt truyện có hai phần diễn biến khá tự nhiên. Nhưng nó cũng bộc lộ nhược điểm: chưa làm rõ sự câu kết giữa hai thế lực phong kiến và thực dân, nên hai vấn đề chống thực dân và phong kiến chưa thật gắn bó nhuần nhuyễn; ở đoạn hai, đời sống tâm hồn của nhân vật, nhất là Mị - ít được soi sáng, diễn tả, nên nhân vật cũng giảm sức thu hút với người đọc.

\* Đoạn trích học ở sách giáo khoa thuộc đoạn 1 của tác phẩm.

### **3. Chủ đề:**

Qua con đường đi và số phận của hai người thanh niên Hmông - Mị và A Phủ - Tô Hoài muốn gửi đến bạn đọc một vấn đề về vận mệnh lịch sử của nhân dân các dân tộc thiểu số miền núi trong cách mạng:

**Trong quá trình đấu tranh giành quyền sống, quyền được hưởng hạnh phúc, nhân dân các dân tộc thiểu số miền núi đã phải trải qua bao tủi nhục, đắng cay. Họ đã đi từ đấu tranh tự phát đến đấu tranh tự giác để được giải phóng bằng sức mạnh quật khởi của chính họ và sự dìu dắt của cán bộ Đảng. Trong quá trình ấy, những người nông dân lao động nghèo khổ ở miền núi đã bộc lộ những phẩm chất tốt đẹp và trở thành những con người mới, quần chúng trung kiên.**

Nhận định trên là chủ đề của truyện ngắn “*Vợ chồng A Phủ*”. Bên cạnh đó, trong khi tập trung diễn tả quá trình đến với cách mạng của nhân vật, tác giả cũng đồng thời đề cập đến những vấn đề có ý nghĩa bức thiết trong cuộc sống của nhân dân nói chung: vấn đề giải phóng phụ nữ- vấn đề tình yêu và hạnh phúc của thanh niên... Những vấn đề ấy làm sâu sắc và phong phú hơn ý trung tâm của tác phẩm.

## **B. PHÂN TÍCH**

**ĐỀ 1:** Phân tích nhân vật Mị ở phần đầu tác phẩm “*Vợ chồng A Phủ*” của Tô Hoài, từ khi Mị bị bắt về làm dâu gạt nợ tại nhà thống lí Pá Tra cho đến khi rời khỏi Hồng Ngài.

### **PHƯƠNG HƯỚNG GIẢI QUYẾT:**

#### **\* Cái nhìn chung về nhân vật Mị:**

- Mị là nhân vật chính - nhân vật số phận (*Số phận* là cuộc đời riêng của một con người, bao gồm một quá trình biến đổi may rủi, sướng khổ... Số phận có thể do con người tự tạo, có thể do những tác nhân xã hội làm nên. Số phận qui định tính cách, và ngược lại).

- Mị là một cô gái người Hmông (Mèo) có một cuộc đời riêng nhiều tủi nhục, đắng cay. Tìm hiểu nhân vật Mị, ta sẽ bắt gặp ở nàng **hai nghịch lí** lớn:

+ **Mị có đầy đủ điều kiện để xứng đáng được hưởng hạnh phúc nhưng lại bị cuộc đời chà đạp tận đáy.**

+ **Tâm hồn Mị trầm lặng mà lại chứa đựng một sức sống lạ lùng.**

Tìm hiểu hai nghịch lí này, tức là tìm hiểu tư duy hiện thực (*tư duy* là hoạt động của não bộ con người trong quá trình nhận thức thế giới), tìm hiểu tấm lòng nhân đạo của nhà văn Tô Hoài. Từ đó, ta thấy người đàn bà đầy nữ tính này đã được tác giả tắm trong khí trời đầy ánh sáng lẫn cái lầy lội, lảm than.

#### **I. Phân tích nghịch lí 1:**

**Mị có đủ điều kiện để xứng đáng được hưởng hạnh phúc nhưng bị cuộc đời chà đạp tận đáy.**

##### **1. Có thể nói, Tô Hoài đã mang rất nhiều hào quang mà phủ lên Mị:**

**1.1-** Mị là một cô gái Mèo **có nhan sắc, trẻ đẹp**. Bằng chứng là đêm nào trai cũng “*đến đứng nhẵn cả chân vách đầu buồng Mị*”, “*có biết bao nhiêu người mê, ngày đêm đã thổi sáo đi theo Mị*”.

**1.2-** Mị là một cô gái rất mực **tài hoa**. Cô hát hay, “*thổi sáo giỏi*”, “*uốn lá trên môi thổi lá cũng hay như thổi sáo*”.

**1.3-** Mị là cô gái **ham cuộc sống tự do, khát khao sống với một tình yêu chân chính**. Khi chưa về làm dâu gặt nợ ở nhà thống lí Pá Tra, Mị thường đi chơi, đánh pao, đánh quay với bạn bè cùng trang lứa. Mị cũng thường đi chơi với người yêu. “*Người yêu của Mị thường đeo nhẫn ở ngón tay*”. Mỗi lần nghe “*tiếng gõ vách hò hẹn của người yêu, Mị hồi hộp lặng lẽ quơ tay lên thì gặp hai ngón tay lách vào khe gỗ, sờ một ngón thấy có đeo nhẫn*” thì Mị sẽ ra đi chơi với người yêu.

**1.4-** Mị còn là cô gái **chăm làm, lao động giỏi**. Cô đã từng xin bố cho mình làm nương, làm ngô để trả nợ cho bố.

**1.5-** Mị cũng rất đáng quý ở sự **hiếu thảo** đối với người đã sinh ra mình. Cô đã san sẻ cái khó của gia đình, đã luôn luôn nghe lời bố để rồi phải xin bố đừng bán mình cho người ta: “*Con nay đã biết cuộc nương làm ngô, con phải làm nương ngô giả nợ thay cho bố. Bố đừng bán con cho nhà giàu*”.

Tóm lại, Mị là một cô gái có nhiều phẩm chất tốt đẹp, rất xứng đáng được hưởng hạnh phúc và đang sống những ngày hạnh phúc của tuổi trăng tròn. Phải có tấm lòng nhân đạo sâu sắc, nhà văn mới nâng niu, quý trọng Mị như thế.

**2. Nhưng khổ nổi cho thói đời “trời xanh quen thói má hồng đánh ghen”**(Nguyễn Du):

**2.1- Cách mở đầu:** Trong lời kể trầm trầm của đoạn văn mở đầu của truyện (giống với cách mở đầu trong cổ tích, chuẩn bị không khí cổ tích cho mẫu nhân vật cổ tích xuất hiện, tạo tâm thế tiếp nhận một mô típ quen thuộc), Mị đã hiện ra với đầy đủ tín hiệu của giông bão: “*Ai ở xa về, có việc vào nhà thống lí Pá Tra thường trông thấy có một cô con gái ngồi quay sợi gai bên tảng đá trước cửa, cạnh tàu ngựa. lúc nào cũng vậy, dù quay sợi, thái cỏ ngựa, dệt vải, chẻ củi hay đi cõng nước dưới khe suối lên, cô ấy cũng cúi mặt, mặt buồn rười rượi”.*

- Nhà văn đã không đề cập đến chân dung mà đã đi vào vấn đề thân phận, một thân phận nghiệt ngã. Người mà lại ngồi bên tảng đá. Hình ảnh tảng đá như là một đồng dạng của cô gái – câm nín, ngậm khối u uất khó cất lời, bất động, không sinh khí, không sẻ chia. Tư thế “*cúi mặt, mặt buồn rười rượi*” với nhịp điệu mỗi mòn, thường xuyên, lặp lại vô hồn cạnh chuồng ngựa – cũng đã gieo vào lòng người đọc một liên tưởng về một sự đồng loại: con người - con vật. Đó là hình ảnh đối lập giữa một cô gái lẻ loi, đơn độc, u trầm, buồn khổ với cảnh tấp nập, giàu sang nhà thống lí “*nhiều nương, nhiều bạc, nhiều thuốc phiện nhất làng*”.

- **Nhận xét:**

+ Nhà văn đã phác họa hình ảnh người con gái câm lặng, bị ném vào một vị trí không bình thường, bị chìm lẫn vào thế giới loài vật, đồ vật vô tri, vô giác chứ không phải của con người.

+ Nhà văn đã hé lộ cuộc sống tủi cực, éo le của nhân vật.

+ Nhà văn đã dẫn dắt khéo léo, đi từ điểm nhìn từ xa, bên ngoài tiến gần hơn vào bên trong để giới thiệu nhân vật và hoàn cảnh, tạo ra mâu thuẫn ở lời kể nhằm vén bức màn bí mật về một phận người – “*hỏi ra mới rõ cô ấy không phải con gái nhà Pá Tra: cô ấy là vợ A Sử, con trai thống lí Pá Tra*”.

## **2.2- Thân phận con dâu gạt nợ:**

### **2.2a- Lí do Mị làm dâu nhà thống lí Pá Tra:**

Ngày xưa, bố lấy mẹ không đủ tiền cưới, phải vay của bố thống lí Pá Tra 10 đồng bạc trắng, “*mỗi năm đem nộp lãi cho chủ nợ một nương ngô. Đến tận khi hai vợ chồng già rồi mà vẫn chưa trả được nợ. Người vợ chết cũng chưa trả hết nợ*”. Thống lí Pá Tra đòi bố Mị gả Mị cho con trai hắn là A Sử để xóa nợ - một mối nợ truyền kiếp, dai dẳng, đổ lên người dân nghèo từ thế hệ này qua thế hệ khác, không thể nào thoát được.

Câu nói từ tâm can của bố Mị “*chao ôi! Thế là cha mẹ ăn bạc của nhà giàu từ kiếp trước, bây giờ người ta bắt bán con trừ nợ. Không thể làm thế nào khác được rồi!*” giống như một dấu triện đóng lên thân phận nô lệ của Mị. Khát vọng tự do mãnh liệt và niềm tin trong sáng, hồn nhiên của Mị - “*Bố đừng bán con cho nhà giàu*”- đã bị ách tắc.

Tô Hoài đã tố cáo một hình thức bóc lột của bọn phong kiến ở miền núi cũng như miền xuôi: hình thức cho vay nặng lãi, nó đã buộc chặt bao nhiêu người lao động nghèo khó vào số phận nô lệ, phụ thuộc bọn thống trị giàu có.

### **2.2b- Mị thấy khổ, muốn chết nhưng không thể chết:**

Trong một đêm xuân, Mị bị nhà thống lí lừa bắt về làm con dâu gạt nợ cho nhà Pá Tra. “*Hàng mấy tháng, đêm nào Mị cũng khóc*”. Mị trốn về nhà thăm bố, trên tay cầm nắm lá ngón toan tự tử. Đây là hành động biểu hiện nhận thức sâu sắc tình cảnh quẩn bách: sống cũng như chết, cũng là phản ứng tiêu cực của lòng ham sống và khát vọng tự do.

Nàng Kiều của Nguyễn Du khi bị đấn thân vào cuộc đời ô nhục, đã từng nghĩ đến quyền sinh mà cũng đành “*thân lươn bao quản lấm đầu - chút lòng trinh bạch từ sau xin chừa*”, không thoát được kiếp đọa đày đến mười lăm năm. Cô Mị ở đây còn gặp tình cảnh chua xót hơn. Thấy Mị “*quỳ lạy, úp mặt xuống đất, nức nở*”, bố Mị cũng ghen ngào thốt lên những lời nài nỉ oán: “*Mày về lạy chào tao để mày đi chết đấy à? Mày chết nhưng nợ tao vẫn còn, quan lại bắt tao trả nợ. Mày chết rồi thì không lấy ai làm nương ngô giả được nợ người ta, tao thì ốm yếu quá rồi. Không được, con ơi!*”. Vì thương bố, Mị “*không đành lòng chết. Mị chết thì bố Mị còn khổ hơn bao nhiêu lần bây giờ nữa. Mị đành trở lại nhà thống lí*” tiếp tục chịu đựng cuộc sống nô lệ.

### **2.2c- Mị bị đày đọa, bóc lột sức lao động thậm tệ và bị ma lực thần quyền ám ảnh:**

- Những năm tháng trong nhà Pá Tra là một chuỗi dài những cực nhục, vất vả nối tiếp nhau, là những sự bóc lột và hành hạ của bọn chủ nô với kẻ nô lệ mà Mị phải chịu đựng: “*Mị cúi mặt, không nghĩ ngợi gì nữa, mà lúc nào cũng chỉ nhớ đi nhớ lại những việc giống nhau, tiếp nhau vẽ ra trước mặt, mỗi năm, mỗi mùa, mỗi tháng lại làm đi làm lại: (...) hái thuốc phiện(...), giặt đay, xe đay (...), đi nương bẻ bắp (...), đi hái củi (...), bung ngô, lúc nào cũng gài một bó đay trong cánh tay để tước thành sợi... Con ngựa, con trâu làm còn có lúc, đêm nó còn được đứng gãi chân, đứng nhai cỏ, đàn bà con gái nhà này thì vùi vào việc làm cả đêm cả*

ngày”. Cách so sánh đòn bẩy này có tác dụng phơi bày cái nghịch lí: vị trí thì là con dâu (quyền thế, đáng trọng), nhưng thân thế thì lại là con nợ, người ở (rẻ rúng, bị coi thường).

- Thêm vào sự đầy đọa về thể xác ấy, Mị còn bị áp chế về tinh thần. Trong đầu Mị, cái ma lực thần quyền luôn luôn đè nặng: *“Ta về trình ma nhà nó rồi, chỉ biết đợi ngày rũ xương ở đây thôi”*. Mê tín, thần quyền đã hỗ trợ đắc lực cho giai cấp thống trị, nó là một thứ *“thuốc phiện của tinh thần”* đối với người dân bị áp bức, như Mác đã nói.

## **2.2d- Điều đáng lưu ý hơn là Mị không có ý niệm về thời gian:**

Không gian sống của Mị là một căn buồng nhỏ *“kín mít”*. Cô liên thông với thế giới bên ngoài chỉ bằng một cái ô cửa vuông nhỏ bằng bàn tay. Nhìn ra ngoài lúc nào *“cũng chỉ thấy trắng trắng, không biết là sương hay là nắng”*. Với Mị, sự chuyển biến của thời khắc sớm tối hay là năm tháng qua đi cũng không có ý nghĩa gì, không gọi cho Mị cảm xúc gì, cuộc sống chỉ còn là một màn sương mờ đục không dĩ vãng, không hiện tại, không tương lai. Mị dường như phó mặc cuộc sống của mình cho định mệnh, không nghĩ gì về thân phận mình nữa, thậm chí cũng không có ý niệm về thời gian, tức là ý nghĩa cuộc sống của Mị đã bị thủ tiêu – *“Mị nghĩ rằng mình cứ chỉ ngồi trong cái lỗ vuông ấy mà trông ra, đến bao giờ chết thì thôi”*.

Hình ảnh căn buồng tối tăm, bức bối, lạnh lẽo, đầy âm khí là một hình ảnh ẩn dụ, biểu tượng ám gợi về một ngục thất tinh thần trên địa ngục trần gian, nó không chỉ giam hãm thân xác Mị, mà còn cách li tâm hồn Mị với cuộc đời, nó cầm cố tuổi xuân và sức sống của Mị.

## **2.2e- Từ đó mà Mị đã sống gần như cái xác vô hồn :**

Theo dòng thời gian, *“lần lần, mấy năm qua, mấy năm sau, bố Mị chết. Nhưng Mị cũng không còn tưởng đến Mị có thể ăn lá ngón tự tử nữa”*. Vì sao trong hoàn cảnh bố Mị đã chết, nhu cầu hi sinh vì chữ “Hiếu” không còn đặt ra với Mị nữa mà Mị lại không còn nghĩ tới cái chết như trước đó? Lí giải vấn đề này, cần thấy rằng Tô Hoài đã không chỉ tố cáo những sự áp bức bóc lột của bọn phong kiến miền núi, mà còn nói lên một sự thật đau xót: con người bị áp bức cứ nhẫn nhục chịu đựng kéo dài đến một lúc nào đó thì dường như bị tê liệt cả tinh thần phản kháng. Mị chính là một nạn nhân như thế. Mị đã mất đi khả năng phản ứng với cuộc sống phi nhân tính. Nghĩa là Mị chỉ sống đời sống vật chất theo bản năng sinh học, còn đời sống tinh thần trong tâm hồn thì đã chết. Bằng phép đối, cách đếm thời gian chậm rãi, đều đặn, nhà văn muốn nói rằng thời gian tuy không dài nhưng cũng đủ để vô hồn hóa con người, nhấn con người vào câm lạng, nhẫn nhục, cam chịu: *“Mị tưởng mình cũng là con trâu, mình cũng là con ngựa”* vì *“ở lâu trong cái khổ, Mị quen khổ rồi”*, *“mỗi ngày Mị càng không nói, lúi lúi như con rùa nuôi trong xó cửa”*. Miêu tả theo lối so sánh tương đồng như thế, nếu đối chiếu với chi tiết *“tàng đá”*, *“chuồng ngựa”* ở đầu truyện thì đó là thủ pháp “phục bút” của nhà văn.

## **\*Nhận xét nghịch lí 1:**

Qua nghịch lí 1, ta thấy có **ba lớp nghĩa** ẩn tàng bên trong:

- Thứ nhất, nó thể hiện một xu hướng khám phá hiện thực mới của Tô Hoài. Sự kiện Mị làm dâu gạt nợ nhà thống lí Pá Tra có thể xem là thanh nam châm hút toàn bộ nỗi khổ đau của đời Mị lại. Xu hướng khám phá thân phận Mị đã dựng nên một bản cáo trạng qua một cuộc đời: món nợ nhà giàu truyền kiếp đã cướp trắng tuổi trẻ dạt dào của Mị. Bông hoa ban trắng ngần, tinh khiết của núi rừng đã bị nhấn chìm trong kiếp sống tội đời, cơ nhục dưới sức ép của

gia đình thống lí Pá Tra, đại biểu cho bọn lang đạo, địa chủ miền núi được thực dân Pháp bảo trợ. Chính cái nghèo, cái cường quyền, cái thần quyền đã tạo ra những áp chế về tinh thần, dồn đẩy người dân lao động vào tình trạng khổ đau, sống vô nghĩa, vô cảm, ngưng đọng với một ánh sáng mờ mờ đùng đục của những hoàng hôn đằng đằng thê lương, buồn tẻ đến tê tái mà ta thường gặp trong văn học đau đời.

- **Thứ hai, nó hé mở một sức cảm thông lớn của một tấm lòng nhân đạo sâu sắc.** Nghệ sĩ chân chính bao giờ cũng gợi đến bạn đọc tác phẩm mà trong đó *“nhịp mãi lên một tấm lòng sứ điệp”* (Nguyễn Tuân). Nếu không có 8 tháng đi thực tế năm 1952 ở núi rừng Tây Bắc thì làm sao Tô Hoài nhận được nỗi đau đớn của những kiếp tôi đòi Mèo, Dao, Mường. Họ đã đau đến mức bị cướp đi tình đồng loại.

- **Thứ ba, nó chân thật**, vì nhà văn đã nhìn đời, nhìn người trong tư thế tồn tại đầy nghịch lí và thể hiện bằng một bút pháp không đơn điệu. Bằng lối trần thuật linh hoạt, lối so sánh tương đồng, so sánh đòn bẩy, tạo dựng hình ảnh ẩn dụ, sử dụng thủ pháp vật hóa, phục bút, nhà văn đã không đem lại nụ cười trào phúng, mà đã cực tả nỗi đau, số phận con người – con người như con vật, thua con vật. So với Chí Phèo, kiếp nô lệ của Mị tuy có nhiều tê buốt, nhưng chưa bị đẩy xuống trạng thái u mê như Chí. Đó là dụng ý của Tô Hoài, bởi Tô Hoài muốn thể hiện một tâm hồn luôn hướng về sự sống, ánh sáng, tương lai bằng tất cả sức mạnh của tình thương và trí tuệ.

## II. Phân tích nghịch lí 2:

**Tâm hồn Mị trầm lặng mà lại chứa đựng một sức sống lạ lùng.**

### 1. Mị đau khổ nhưng không cam chịu:

#### 1.1- Đau khổ, tủi nhục, lạnh cảm là biểu hiện của Mị về ý thức nhân phẩm:

Ngay từ đầu truyện, Tô Hoài đã miêu tả Mị một cách có dụng ý, làm tiền đề cho sự vùng lên: *“cúi mặt - mặt buồn rười rượi – mỗi ngày, Mị càng không nói, lúi lúi như con rùa nuôi trong xó cửa”*. Chi tiết này là chi tiết “nén ép”. Bởi vì: biết đau khổ, tủi nhục là biểu hiện của ý thức nhân phẩm; cố lạnh cảm là biểu hiện của sự uất ức, phản kháng. Trong trường hợp này, Mị đã không như lời răn của tôn giáo: *“Nếu ai vả vào má bên phải của người thì hãy đưa má bên trái cho họ luôn”* (Kinh thánh đạo Gia Tô). Cô đã không chịu chấp nhận nỗi đau bằng cách an phận, nhẫn nhục.

#### 1.2- Mị ham sống một cuộc sống đúng nghĩa:

Tô Hoài đã chuẩn bị chu đáo tiền đề cho sự vùng lên của Mị. Ở phần đầu truyện, nhà văn đã để cho Mị lựa chọn tình táo: thà sống vất vả, nghèo khổ mà tự do còn hơn sống trong giàu sang mà chịu đọa đầy nô lệ; đã để cho Mị nghe tiếng gõ vách ván, sờ ngón tay đeo nhẫn lách qua kẽ ván để rồi Mị cùng người yêu đi chơi. Một cô Mị khao khát tình yêu như thế mà lại gắn sát sần sật với một cô Mị về thăm bố, trên tay cầm nắm lá ngón toan tự tử. Hai chi tiết này dường như đối nghịch nhau, nhưng thực chất chúng rất thống nhất với nhau, bởi vì cả hai đều biểu hiện một tâm hồn ham sống và phải sống một cách đúng nghĩa.



Như vậy, bên trong hình ảnh của con rùa lúi lũi nơi xó cửa kia, đang còn một con người. Khát vọng hạnh phúc có thể bị vùi lấp, bị lãng quên trong đáy sâu của một tâm hồn đã chai cứng vì khổ đau, nhưng không thể bị tiêu tan. Gấp thời cơ thuận lợi, nó sẽ bùng cháy lên từ dưới lớp tro buồn.

## **2. Mị đã cự quây, nổi loạn, vùng lên:**

Điều này, Tô Hoài đã kể cho chúng ta qua hai đột biến lớn: Mị muốn đi chơi trong đêm tình mùa xuân và Mị cắt dây cửi trói cho A Phủ - tức là tự cởi trói cho đời mình vào một đêm đông trên núi cao. Những đột biến này tuy có điều phi lí nhưng lại rất hợp qui luật tâm lí của con người.

### **2.1/Đột biến 1:**

**Mị muốn đi chơi trong đêm tình mùa xuân**

#### **2.1a- Hai tác nhân làm hồi sinh khát vọng sống của Mị:**

Trong đoạn văn này, Tô Hoài đã dõi theo từng bước phát triển của đời sống tâm hồn nhân vật, được đặt trong một hoàn cảnh điển hình là mùa xuân về trên vùng núi cao. Dầu còn trong nghèo khó, mùa xuân về cũng khơi gợi ở người dân miền núi một niềm vui sống. Người Hmông ở Hồng Ngài ăn tết khi ngô lúa đã gặt xong, mùa xuân có niềm vui thu hoạch mùa màng. Cái tết năm ấy đã làm cho Mị được hồi sinh khát vọng sống bởi hai tác nhân: ngày xuân và đêm xuân:

**2.1a1- Ngày xuân với hương sắc rất xuân** đã được Tô Hoài đưa ra trong truyện với dụng ý tạo nên một bức phong, một tác động hồn người đối với Mị.

Trong cái tiết cuối đông, gió và rét dữ dội nhưng vẫn không ngăn được những sắc màu của xuân: *“cỏ gianh vàng ửng... những chiếc váy hoa đã đem ra phơi trên mỏm đá xòe như con bướm sặc sỡ. Hoa thuốc phiện vừa nở trắng lại đổi ra màu đỏ hàu, đỏ thắm, rồi sang màu tím man mát”*. Và những âm thanh rộn rã báo hiệu mùa xuân: *“đám trẻ đợi tết, chơi quay, cười ầm trên sân chơi trước nhà. Ngoài đầu núi lấp ló đã có tiếng ai thổi sáo rủ bạn đi chơi”*.

Cảnh vật rực rỡ sắc màu, náo nức âm thanh, căng tràn nhựa sống, đổi lập với không gian sống tối tăm của Mị, làm Mị *“thiết tha bồi hồi, ngời nhảm thắm bài hát của người đang thổi”* khi nghe tiếng sáo từ xa vọng lại.

**2.1a2- Đêm xuân cũng lắm mộng xuân tình** đã được Tô Hoài khắc họa với những men say của sự sống, tình yêu. Trong nhà, sau bữa cơm rượu ngày tết cúng ma, mọi người nhảy đồng, *“chiêng đánh ầm ỉ”*. Bên ngoài, *“tiếng sáo gọi bạn yêu lơ lửng ngoài đường”*. Đây là chi tiết có một vai trò đặc biệt quan trọng, được nhà văn tập trung nhắc đi nhắc lại nhiều lần (14 lần), mang ý nghĩa mời gọi, vương vấn, khơi gợi kí ức và khát vọng yêu, khát vọng sống trong con người Mị.

#### **2.1b- Diễn biến tâm trạng của Mị trong đêm tình mùa xuân:**

Trong đêm tình mùa xuân, diễn biến tâm trạng của Mị phát triển qua sáu chặng đường theo mô hình gấp khúc:

- **Chặng 1: Mị lén uống rượu**, “*uống ừng ực từng bát*”, uống như chưa bao giờ được uống, uống như nuốt hận vào lòng, như vun trồng sự sống, uống để được say, say đến mức lịm người.

- **Chặng 2: Cái say đã vừa đem đến cho Mị một sự quên thực tại, lại vừa đem đến cho Mị một sự nhớ quá khứ.** Nhìn mọi người nhảy đồng, ca hát nhưng Mị không hề hay biết, không thấy không nghe gì cả. Đến lúc mọi người ra về, cuộc vui đã tàn mà Mị cũng không hay. Sở dĩ có điều đó là vì Mị đang sống với men tình. Trong cơn say, Mị nhớ ngày trước “*Mị thổi sáo giỏi*”, “*có biết bao nhiêu người mê, ngày đêm đã thổi sáo đi theo Mị*”. Mùa xuân này, “*tiếng sáo gọi bạn đầu làng*” cứ dập dờn diu hồn Mị đi vào chốn bồng bồng với bao nỗi khát vọng tình yêu. Mị “*uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo*”. Từ đó, Mị thấy “*phơi phới trở lại... đột nhiên vui sướng như những đêm tết ngày trước*”. Điều quan trọng hơn là Mị đã nhớ ra rằng mình vẫn là một con người, vẫn có cái quyền sống của một con người: “*Mị vẫn còn trẻ, Mị muốn đi chơi. Bao nhiêu người có chồng cũng đi chơi ngày tết*”. Còn Mị thì chẳng năm nào A Sử cho Mị đi chơi tết. Mị thấy cô đơn và thật là vô lí khi A Sử với Mị “*không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau*”. Nhớ lại, nước mắt Mị ứa ra, Mị thương mình đau khổ, và càng ghê tởm A Sử hơn vì A Sử đang rắp tâm “*rình bắt mấy người con gái nữa về làm vợ*”. Từ đau thương căm giận ấy, Mị muốn chết ngay nếu có nắm lá ngón trong tay. Ý tưởng này của Mị phát triển song hành với “*tiếng sáo gọi bạn yêu vẫn lửng lơ bay ngoài đường*”.

Quả là một sự tương giao tương tranh giữa một bên là sức sống tiềm tàng và một bên là cảm thức thân phận. Khi lòng ham sống trào dâng thì ý nghĩ mãnh liệt đầu tiên của Mị lại là được chết ngay. Ý nghĩ về cái chết lúc này là biểu hiện của lòng ham sống một cuộc sống đúng nghĩa, của sự phản kháng với hoàn cảnh, nó chứng tỏ rằng Mị đã ý thức trở lại tình cảnh đau xót dai dẳng của mình.

- **Chặng 3: Tiếng sáo gọi bạn tình cứ rập rờn, quyến rũ, thôi thúc Mị sửa soạn đi chơi.** Bấy lâu nay, Mị dường như đã quên rồi, nay tiếng sáo – biểu tượng của sự sống, tình yêu, tự do – đang trở lại. Tiếng sáo theo sát từng bước diễn biến tâm trạng nhân vật, nó chính là ngọn gió thổi bùng lên đốm lửa trong lòng Mị. Tiếng sáo từ chỗ là một sự việc của thực tại bên ngoài (*tiếng sáo gọi bạn yêu vẫn lửng lơ bay ngoài đường*), đã xâm nhập thế giới tâm hồn Mị, trở thành một hiện hữu của đời sống bên trong (*trong đầu Mị đang rập rờn tiếng sáo*).

Khát vọng được sống, được yêu trời dậy như những đợt sóng ào ạt trong tâm hồn Mị, đợt sau lại mạnh mẽ hơn đợt trước, kéo theo bước phát triển quyết định: **hành động muốn được thấy ánh sáng, muốn thắp lên ngọn lửa trong lòng mình, muốn làm đẹp để tồn sinh**. “*Mị cũng không nói, Mị đến góc nhà, lấy ống mỡ, xắn một miếng bỏ thêm vào đĩa đèn cho sáng*”. Có thể xem đây là hành động thức tỉnh. Nó có nghĩa là Mị đã thắp lên một ngọn đèn soi rọi vào cuộc sống của mình, để thoát ra những đêm dài tăm tối triền miên của quá khứ. Và hành động này thúc đẩy hành động khác tiếp theo, như một phản ứng dây chuyền không thể ngăn lại được. Trong căn buồng kín mít, Mị hành động một cách rành rọt: “*quấn lại tóc, với tay lấy cái váy hoa vắt ở phía trong vách... rút thêm cái áo*”. Tất cả mọi thao tác Mị đều làm trong im lặng, theo bản năng, theo quán tính của một con người tự do trước sự chứng kiến của A Sử như là một sự thách thức.

- **Chặng 4: Ý định đi chơi của Mị bị ách tắc bởi sợi dây oan nghiệt của A Sử.** Với A Sử, việc làm của Mị chẳng khác gì một con ngựa bị mất cương. Hình phạt được thực hiện mà không cần tuyên án. A Sử bước vào, thân nhiên, lăm lăm, “*lấy thắt lưng trói hai tay Mị. Nó xách*

cả một thúng dây đay ra trời đứng Mị vào cột nhà. Tóc Mị xỏa xuống, A Sử quấn luôn tóc lên cột, làm cho Mị không cúi, không nghiêng được đầu nữa. Trời xong vợ, A Sử thắt nốt cái thắt lưng xanh ra ngoài áo rồi A Sử tắt đèn, đi ra, khép cửa buồng lại”. Trong cái kĩ càng, rành rẽ của từng động tác của A Sử, ta thấy toát lên sự tàn ác đến thần nhiên của một kẻ đã không còn chút gợn nào của lương tri nữa.

- **Chặng 5: Mặc dù bị trói, Mị vẫn đi chơi như kẻ mộng du.** Suốt cái đêm bị trói đứng vào cột trong bóng tối ấy, Mị đã sống trong sự giằng xé mãnh liệt giữa niềm khao khát hạnh phúc cháy bỏng và thực tại tàn bạo lạnh lùng. Lúc mới bị trói, cái lòng ham sống vừa được đánh thức của Mị vẫn còn một thể năng đưa Mị bèn bồng đi chơi theo tiếng sáo. Sợi dây trói của đời thực chưa đủ sức làm kinh động giấc mơ xuân trong tâm hồn Mị, một tâm hồn đang sống thực trong cảnh ảo: “Mị vẫn nghe tiếng sáo đưa Mị đi theo những cuộc chơi, những đám chơi. “Em không yêu, quả pao rơi rồi. Em yêu người nào, em bắt pao nào...””.

- **Chặng 6: Nhưng thực tại tàn khốc vẫn có lúc phải đến để Mị nhận ra mình không bằng con ngựa.** Quá đắm mình trong những cuộc chơi, Mị quên mình đang bị trói, quên những đau đớn thể xác, đến nỗi trong giây phút niềm khát khao cuộc sống trào dâng mãnh liệt, Mị “vùng bước đi” thì cái cảm giác đau đớn do những sợi dây trói thít da thịt lại đã đưa Mị về với thực tại: “Tay chân đau không cựa được, Mị không nghe tiếng sáo nữa. Chỉ còn nghe tiếng chân ngựa đạp vào vách”. Lúc đó, “Mị thốn thức nghĩ mình không bằng con ngựa”, bởi lẽ con ngựa còn được đứng “gãi chân, nhai cỏ”, còn mình thì bị trói đứng trong buồng tối. Thực tại phũ phàng đã lấn át, bóp nghẹt những ước mơ, khát vọng tươi sáng. Kết cục ấy nói lên một điều: nếu chỉ có những phản kháng tự phát, nhân vật không thể thoát khỏi tình cảnh bị giam hãm đọa đày.

Nếu không có chuyện A Phủ đánh A Sử để người ta phải cởi trói cho Mị để Mị đi kiếm lá thuốc cho chồng thì có lẽ Mị cũng phải chịu chết như một người đàn bà khác trước đó trong nhà này.

#### **\*Nhận xét đột biến 1:**

- Như vậy, sự quấy đạp lần thứ nhất không đủ sức thay đổi số phận của Mị. Sợi dây trói là hiện thân hung tợn của một kiểu áp bức đầy dã man thời trung cổ. Nó còn là hiện thân của lực lượng chống lại quyền sống, chống lại tự do rất đáng phỉ nhổ. **Điều kì diệu là tuy Mị ở trong dây trói, tiếng sáo vẫn trỗi dậy, lặp đi lặp lại một cách da diết, thiết tha, chẳng khác gì một bài ca về sức sống con người** cho dù con người đang bị đẩy sâu xuống dưới đáy cuộc đời. Đúng là “*xiềng xích chúng bay không khóa được - trời đầy chim và đất đầy hoa*” (Đất nước-Nguyễn Đình Thi).

- Qua nhân vật Mị, Tô Hoài vừa tố cáo thế lực thống trị bạo tàn đã chà đạp, tước đoạt quyền sống của những con người đáng ra phải được hạnh phúc nhất, vừa đồng cảm sâu sắc với số phận những con người nghèo khổ miền núi trước cách mạng, vừa ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn của người dân lao động, đặc biệt là khát vọng sống tự do, hạnh phúc. Giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo của tác phẩm bao gồm những vấn đề này.

## 2.2. Đột biến 2:

**Mị cắt dây cửi trói cho A Phủ tức là tự cửi trói cho đời mình vào một đêm đông.**

Đây là đột biến có ý nghĩa đỉnh cao của sức sống lạ lùng của Mị.

**2.2a- Số phận Mị gắn liền với số phận của A Phủ như một sự tiền định.** Một bên là con dâu gạt nợ, một bên là tội tớ làm công trừ nợ, vì mắc nợ đánh A Sử - con quan: 100 bạc trắng. Cả hai đều là con trâu con ngựa của nhà thống lí Pá Tra. Mị đã bị A Sử trói đứng trong buồng tối. A Phủ vì tội để hổ bắt mất một con bò cũng đã bị Pá Tra trói đứng vào một cây cột trong góc nhà bằng một cuộn dây mây “*quấn từ chân lên vai, chỉ còn cổ và đầu hơi lúc lắc*”, chờ khi nào bán được hổ mới tha. A Phủ nhất định phải thế mạng! Suốt mấy đêm ngày bị trói giữa giá rét mùa đông, “*A Phủ chỉ đứng nhắm mắt*”.

### 2.2b- Trước tình huống có vấn đề này, Mị đã như thế nào?

Tô Hoài đã miêu tả Mị theo hướng miêu tả một nhân vật tâm trạng qua **bốn chặng đường** phát triển như sau:

- **Chặng 1:** Lúc đầu, **Mị có trạng thái thản nhiên đáng sợ**. Đêm nào, Mị cũng dậy, ra bếp “*thổi lửa hơ tay*” gần nơi A Phủ bị trói. Tuy có lúc A Sử đi chơi đêm về, ngựa tay ngựa chân, “*đánh Mị ngã ngay xuống cửa bếp*”, nhưng đêm sau Mị vẫn gan lì, lặng lẽ phản kháng, tiếp tục ra sưởi lửa như đêm trước. Bởi lẽ ngọn lửa đã là người bạn, là cứu cánh của Mị - “*Mị chỉ biết chỉ còn ở với ngọn lửa*”. Nếu không có nó, “*Mị cũng đến chết héo*”. Mị bất biết những gì xung quanh. Tuy nhìn sang thấy A Phủ bị trói, nhưng Mị vẫn mảy may không hề có một chút động lòng - “*nếu A phủ là cái xác chết đứng đấy, cũng thế thôi*”.

Đó là thái độ thản nhiên đáng sợ vì không có tình đồng loại. Vì sao? Lí giải vấn đề này, ta thấy có **ba nguyên nhân**.

Một là, cảnh người bị trói đến chết không phải là hiếm hoi ở nhà thống lí.

Hai là, cuộc sống bao năm làm con rùa lùi lũi trong xó cửa đã tạo cho Mị một sức ỳ, một quán tính cam chịu, nhẫn nhục quá lớn.

Ba là, Mị đã chịu đựng quá nhiều đau khổ về thể xác lẫn tinh thần nên cô đã trở nên chai sạn vô cảm, khả năng cảm thông, chia sẻ với cảnh ngộ khốn cùng của người khác ở Mị gần như bị tê liệt. Mị chẳng khác gì “**tảng đá**”. Đây là nguyên nhân cơ bản, mang ý nghĩa của một bản cáo trạng buộc tội lũ người vô nhân tính đã cướp đi tình người của người dân lao động.

### - Chặng 2: Những dòng nước mắt của A Phủ làm Mị có nhu cầu được hi sinh:

Hôm sau, cũng cái nhìn hờ hững, vô hồn, Mị “*lệ mắt trông sang*”, thấy “*một dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen lại*” của A Phủ. Đây là nước mắt của một thanh niên bản lĩnh, gan góc, yêu đời, mạnh mẽ, thể hiện nỗi đau xót, sự tủi cực trong tình cảnh khốn cùng - có lẽ A Phủ đang hình dung mình sẽ bị trói cho đến chết. Dòng nước mắt ấy đã đưa Mị ra khỏi cõi quên để trở về cõi nhớ. Mị nhớ đêm năm trước, A Sử trói đứng Mị và Mị cũng đã nhiều lần khóc, nước mắt chảy xuống cổ, xuống miệng, không biết làm sao mà lau cho được. Chính dòng nước mắt của A Phủ và của Mị đã hòa vào nhau, chẳng khác gì một dòng nham thạch làm

tan đi tảng băng trong tâm hồn Mị bao ngày. Dòng nước mắt ấy đã giúp cho Mị nhớ ra mình, xót cho mình. Càng nhớ, càng xót cho mình bao nhiêu thì Mị lại càng thương xót cho A Phủ bấy nhiêu, bởi A Phủ cùng cảnh ngộ: “*Trời ơi, nó bắt trói đứng người ta đến chết, nó bắt mình chết cũng thôi*”, “*nó đã bắt ta về trình ma nhà nó rồi thì chỉ còn đợi ngày rũ xương ở đây thôi*”, “*người kia việc gì mà phải chết*”, “*cơ chừng này chỉ đêm mai là người kia chết, chết đau, chết đói, chết rét, phải chết*”.

Theo qui luật, khí cái lòng thương người này nở, lớn dần thì cái nhu cầu được hi sinh tất yếu sẽ diễn ra. Mị đã đặt ra giả thiết giả như A Phủ “*đã trốn được rồi*”, lúc ấy bố con Pá Tra sẽ bảo là Mị đã cời trói cho nó, thì Mị “*phải bị trói thay vào đây, Mị phải chết trên cái cọc ấy*”. Nghĩ đến đó, trong tình cảnh này, “*Mị cũng không thấy sợ*”. Mị chỉ có được chứ không có gì để mất nếu cứu A Phủ. Đó là cách cắt nghĩa logic về hành động của Mị qua những dòng độc thoại nội tâm.

### **- Chặng 3: Mị can đảm cắt dây mây cứu A Phủ:**

Lòng thương người chiến thắng nỗi thương thân. Mị “*rón rén bước lại*”, “*rút con dao nhỏ cắt lúa, cắt nút dây mây*” cời trói cho A Phủ. Đây là hành động tự phát, mang ý nghĩa tiếp tục nổi loạn, khởi đầu cho sự vùng lên. Từ một người đàn bà yếu đuối, Mị đã trở thành một người can đảm. Bao nhiêu nhẫn nhục có trong người nay đã trỗi dậy, trộn lẫn với lòng thương người, tạo thành sức mạnh phản kháng, cứu vào sợi dây mây để thực hiện nguyên lí tình thương. Quả là một việc làm rất đáng khâm phục.

### **- Chặng 4: Cứu xong A Phủ, cái sợ đã ập xuống, thúc đẩy bản năng tự vệ của Mị:**

Theo lẽ thường, khi sự thương người đã giải quyết được thì nỗi lo mình đương nhiên sẽ đến. Sau khi đã gỡ hết dây mây trói người A Phủ thì Mị “*hốt hoảng*”, “*thì thào*” với A Phủ: “*Đi ngay...*”, rồi “*nghe lại*”. Và khi A Phủ “*quạt sức vùng lên, chạy*” thì Mị “*đứng lạng*” trong bóng tối. Nghĩa là Mị đang suy nghĩ rất căng, đang băn khoăn tìm đường chọn lối cho sinh mạng của mình. Để rồi trong khoảnh khắc, Mị cũng “*vụt chạy ra*”, “*băng đi*” trong bóng tối, đuổi kịp A Phủ tận chân dốc: “*A Phủ cho tôi đi... Ở đây thì chết mất*”.

### **\* Nhận xét đột biến 2:**

- Hành động cắt dây mây cời trói cứu A Phủ là một hành động táo bạo, ngoài dự tưởng, mang tính chất tự phát. Hành động này có nguồn gốc sâu xa. Nó được thực thi bằng một sức sống mãnh liệt của khát vọng tự do, của việc van xin không bị bán cho nhà giàu, của cái lạng càm, của cái mặt luôn cúi xuống - buồn rười rượi, của cái ý định ăn lá ngón để chết, của cái việc lên uống rượu ừng ực từng bát một, thắm hát theo tiếng sáo, uốn lá trên môi thổi lá hay như thổi sáo, của sự mộng du - sống thực trong cảnh ảo: đi chơi trong đêm tình mùa xuân.

- Mị đã cắt một sợi dây bằng con dao nhỏ để được một việc lớn. Một hành động mà lại phá toang được hai nhà tù: nhà tù phong kiến miền núi của bọn thổ ti Hmông dưới sự hậu thuẫn của thực dân Pháp, và nhà tù ma lực thần quyền. Cắt một sợi dây mà xóa đi hai kiếp người nô lệ, mở ra một cuộc đời mới của một đôi vợ chồng, một cặp đồng chí thì quả là một điều đáng quý. Do vậy mà đoạn văn cuối của phần này là đoạn bản lề của tác phẩm. Rời khỏi Hồng Ngài, A Phủ và Mị đã cùng nhau đi suốt một mùa mưa, ăn lá cây, củ rừng, mộc nhĩ, vượt qua bao triền núi tai mèo, nên vợ nên chồng, gặp cách mạng, vào du kích, trực tiếp cầm súng tự bảo vệ mình và giải phóng quê hương.

### **III. Tổng kết hai nghịch lí:**

- Qua hai nghịch lí, qua diễn biến tâm lí của nhân vật Mị: một con người đáng được hưởng hạnh phúc mà lại quá khổ đau, một con người tưởng chừng như cam chịu mà lại tiềm tàng một sức sống lạ lùng – nhà văn Tô Hoài muốn khẳng định: bạo lực không thể đè bẹp, hủy diệt khát vọng sống, khát vọng tự do, hạnh phúc. Chỉ có điều là để có được sự sống, tự do, hạnh phúc, con người đã phải trải qua nhiều tủ nhục, đắng cay. Đúng như nhà thơ Tô Hữu đã nói trong bài thơ “*Mùa thu mới*”(1958):

*“ Ôi đâu phải qua đoạn đường lừa bồng  
Cuộc đời ta bỗng chốc hóa thiên đường!”.*

- Tái hiện nhân vật Mị trong thế cùng A Phủ đối đầu với bọn lang đạo, địa chủ miền núi Tây Bắc, Tô Hoài đã lên án giai cấp thống trị bất nhân được thực dân Pháp bảo trợ đã chà đạp lên quyền sống, quyền hạnh phúc của những người dân lương thiện miền núi Tây Bắc. Đồng thời, Tô Hoài cũng đã đồng cảm, xót thương sâu sắc trước những nỗi đau tê buốt, xé lòng; đặc biệt là ngợi ca những phẩm chất tốt đẹp, sức sống diệu kì của những kiếp nông nô lầm than, tủ nhục - trong mọi cảnh ngộ, họ luôn luôn tìm cách vươn lên bằng khát vọng tự do, hạnh phúc, bằng sức mạnh yêu thương và sự dẫn đường chỉ lối của cách mạng. Do đó, chủ nghĩa nhân đạo của Tô Hoài trong “*Vợ chồng A Phủ*” là chủ nghĩa nhân đạo cách mạng. Chính Cách mạng, chính trường lớp cuộc đời đã dạy cho Tô Hoài những điều cuộc sống cần ở người nghệ sĩ.

### **ĐỀ 2: Phân tích hình tượng nhân vật A Phủ.**

A Phủ là nhân vật hành động (nhà văn miêu tả tính cách nhân vật chủ yếu thông qua hành động). Tìm hiểu nhân vật này, cần tập trung vào ba vấn đề cơ bản sau: Sự xuất hiện, phẩm chất, số phận của nhân vật.

#### **1. Sự xuất hiện:**

- Khung cảnh: đêm tình mùa xuân
- Sự kiện: A Phủ đánh A Sử.
- Văn cảnh (xét trong hệ thống cốt truyện): khi xung đột trong Mị dâng lên, tạo nên kịch tính :

Khát vọng hạnh phúc > < Hiện thực phũ phàng  
( Mị muốn đi chơi)                      (Mị bị trói đứng trong buồng kín bằng một thúng dây đay)

#### **2. Phẩm chất:**

**2.1- Thể chất dồi dào:** khỏe, chạy nhanh như ngựa.

**2.2- Chăm chỉ, chịu khó, tháo vát:**

- Biết làm mọi việc: đúc lưỡi cày, đục cuốc, cày giỏi, săn bò tót rất bạo,...
- Được nhiều cô gái ước mơ lấy làm chồng.

**2.3- Gan bóng:**

- Bị bán xuống vùng người Thái, không chịu ở cánh đồng thấp, trốn lên núi.

- Đánh A Sử - con trai của thống lí Pá Tra vì A Sử gây sự với trai làng.

(chú ý câu văn mô tả cảnh này bằng một loạt từ chỉ hành động với nhịp nhanh, mạnh, dồn dập: *chạy vụt ra, vung tay ném, xộc tới, nắm, kéo dập đầu, xé, đánh tới tấp*).

- Khi bị thống lí Pá Tra bắt về, đánh: quì chịu đòn, im như tượng đá (gan góc, sức chịu đựng khác thường).

\* A Phủ là nhân vật mang vẻ đẹp khỏe khoắn, cá tính, bản lĩnh, gan góc, tiềm ẩn sức sống, sức mạnh phản kháng, chống bạo tàn của thanh niên lao động miền núi.

### **3. Số phận:**

**3.1- *Lai lịch*:** mồ côi, phải đi làm thuê cuộc mưu sinh từ năm 10 tuổi (mô típ nhân vật bất hạnh trong cổ tích).

**3.2- *Khó có được hạnh phúc giản dị của một người con trai trưởng thành*:** không thể lấy nổi vợ.

### **3.3- *Phải làm tôi tớ để trừ nợ*:**

- Nguyên nhân: đánh A Sử - con quan, bị bắt về đánh đập, cúng ma, tiền nộp phạt bị quì đổi thành nợ (100 đồng bạc trắng), khi nào nộp đủ mới thôi làm tôi tớ.

- Bị bóc lột sức lao động thậm tệ: đốt rừng, cày nương, săn bò tót, bẫy hổ, chăn bò, chăn ngựa, quanh năm một thân một mình bôn ba rong ruổi ngoài gò ngoài rừng, làm việc một cách cơ học, như một cỗ máy, triền miên, ngày qua ngày, tháng nối tháng, năm tiếp năm, mòn mỏi.

- Bị trừng phạt vì làm mất bò của chủ: tự mình chôn cột, lấy dây mây để bị trói theo lệnh của thống lí. Hiện thực oái oăm này diễn tả sâu sắc, thấm thía tình cảnh tủi nhục, ngang trái của kiếp người nô lệ, tạo ra sự gặp gỡ ngẫu nhiên giữa Mị và A Phủ - hai người cùng khổ.

### **3.4- *Quật sức vùng lên, đòi đời* :**

- Thoát chạy khỏi nhà thống lí nhờ Mị cắt dây , cởi trói,

- Cùng Mị tìm đường sống bằng tình thương mình và tình yêu đối với người cùng khổ là Mị.

- Vào du kích, cầm súng tự bảo vệ mình, cùng Mị và đồng đội giải phóng quê hương khi gặp cán bộ cách mạng A Châu, kết nghĩa anh em với A Châu.

## **ĐỀ 3: Những nét thành công về nghệ thuật của truyện ngắn “*Vợ chồng A Phủ*”.**

### **1. Thành công ở nghệ thuật xây dựng nhân vật:**

#### **1.1- Nhà văn đã xây dựng được những tính cách điển hình:**

Hai nhân vật Mị và A Phủ vừa mang nét chung, tiêu biểu cho dân tộc, cho giai cấp của họ, đồng thời cũng có nét riêng, cá tính rõ rệt. A Phủ thì gan góc, bộc trực, cả tin, chất phác. Mị thì có một đời sống nội tâm sôi nổi dưới vẻ ngoài lạnh lùng.

**1.2- Nhà văn đã rất tinh tế trong việc miêu tả diễn biến bên trong tâm hồn nhân vật:**

Những đoạn miêu tả sự thức tỉnh của niềm khát vọng sống ở Mị trong đêm xuân, cảnh Mị suy nghĩ tới hành động cắt dây trói cho A Phủ là những thành công của tác giả trong việc diễn tả được những biến chuyển tinh tế trong nội tâm nhân vật, không sa vào cái nhìn giản đơn, cũng không tô vẽ giả tạo khi viết về những con người miền núi.

**1.3- Nhà văn đã miêu tả tính cách của hai nhân vật chính trong sự biến đổi, phát triển theo quá trình đi tới của họ.**

**2. Thành công ở chỗ nắm bắt, lựa chọn được nhiều chi tiết chân thực, sinh động mà có sức khái quát cao:**

Những chi tiết ấy thường đặt trong một hệ thống tương quan đối lập nên càng nổi rõ (cô Mị cúi mặt lặng lẽ như một cái bóng giữa cảnh giàu có tấp nập của nhà Pá Tra; căn phòng âm u của Mị và khung cảnh mùa xuân tràn đầy ánh sáng và sức sống ở bên ngoài; tiếng sáo gọi bạn yêu lưng lơ bay ngoài đường và tiếng chân ngựa đạp vào vách, v.v...)

**3. Thành công ở chỗ lôi cuốn người đọc bằng chất thơ đậm đà trong sáng:**

Tô Hoài đã từng nói về ý thơ trong truyện của mình: “Ở mỗi nhân vật và trùm lên tất cả miền Tây, tôi đã đưa vào một không khí vời vơi, làm cho đất nước và con người bay bổng lên hơn nữa, rồi bỏ được cái ám ảnh tù mủn, lật vật thường làm co quắp nhân vật và nhỏ bé vẩn đục đi”. Chất thơ ấy được thể hiện chủ yếu ở các khía cạnh sau:

**3.1- Chất thơ toát lên từ nội dung tác phẩm:** vấn đề khát vọng tự do, hạnh phúc của nhân dân lao động miền núi và con đường giải phóng của họ.

**3.2- Chất thơ toát lên từ tâm hồn trong sáng, hồn hậu trung thực của các nhân vật tích cực (Mị, A Phủ).**

**3.3- Chất thơ cũng thấm đượm trong những bức tranh thiên nhiên giàu màu sắc tươi sáng và đường nét uyển chuyển, hùng vĩ của Tây Bắc, làm nền cho những sinh hoạt giàu chất trữ tình của con người** (những đêm mùa xuân, cảnh đi chơi tết, tiếng sáo rủ bạn đi chơi ngoài đầu núi, tiếng sáo gọi bạn yêu lưng lơ bay ngoài đường, những đám chơi pao, thổi khèn, uống rượu bên bếp lửa của trai gái Hmông, v.v...).

---

<b>MỘT SỐ ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG CỦA BỘ GD-ĐT ĐÃ RA TỪ 2002 ĐẾN 2013</b>
---

**1. Năm 2006, khối C (5 điểm):**

Trong bài *Cảm nghĩ về truyện “Vợ chồng A Phủ”*, Tô Hoài viết:

“Nhưng điều kì diệu là dẫu trong cùng cực đến thế mọi thế lực của tội ác cũng không giết được sức sống con người. Lay lắt đói khổ, nhục nhã, Mị vẫn sống, âm thầm, tiềm tàng, mãnh liệt.”

*Biên soạn: Phan Văn Thân*



(Tác phẩm văn học 1930-1975, Tập hai, NXB Khoa học Xã hội, 1990, tr.71)

Phân tích nhân vật Mị trong truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ* (đoạn trích được học) của Tô Hoài để làm sáng tỏ nhận xét trên.

---

**2. Năm 2008, khối D (5 điểm):**

Phân tích tâm trạng và hành động của nhân vật Mị trong đêm cứu A Phủ (*Vợ chồng A Phủ*-Tô Hoài)

---

**3. Năm 2012, khối D (2 điểm):**

Trong tác phẩm *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài (*Ngữ văn 12*, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011), việc Mị nhìn thấy “dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen lại” của A Phủ diễn ra trong hoàn cảnh nào? Sự việc ấy có ý nghĩa gì đối với tâm lí của nhân vật Mị?

---

**Một số đề luyện tập khác**

4. Nói đến giá trị nhân đạo trong tác phẩm văn học là nói đến lòng thương yêu trân trọng con người, lên án sự áp bức, chà đạp lên quyền sống của con người trong xã hội. Bằng những hiểu biết về nhân vật Mị trong truyện ngắn “*Vợ chồng A Phủ*” của Tô Hoài, anh (chị) hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

5. Phân tích diễn biến tâm lí của nhân vật Mị trong đêm tình mùa xuân Mị muốn đi chơi nhưng bị A Sử trói đứng vào cột (*Vợ chồng A Phủ* - Tô Hoài).

6. Phân tích tâm trạng nhân vật Mị trước và sau hành động cắt dây trói giải thoát cho A Phủ trong truyện ngắn “*Vợ chồng A Phủ*” của Tô Hoài.

7. Cảm nhận của anh(chị) về đoạn văn sau đây trong truyện ngắn “*Vợ chồng A Phủ*” của Tô Hoài:

“*Lúc ấy đã khuya... rồi Mị cũng vụt chạy qua*”.

8. Cảm nhận của anh(chị) về đoạn văn sau đây trong truyện ngắn “*Vợ chồng A Phủ*” của Tô Hoài:

“*Ngày tết, Mị cũng uống rượu, Mị lén lấy hũ rượu... Lúc này là lúc trai làng đến bên vách làm hiệu, rủ người yêu dỡ vách ra rừng chơi, Mị nín khóc, Mị lại bồi hồi*”.

9. Trong đoạn trích tác phẩm “*Vợ chồng A Phủ*”, nhân vật Mị hiện lên trong hai đoạn chủ yếu: đoạn tả cảnh đêm tết, Mị muốn đi chơi và đoạn tả cảnh A Phủ bị trói, Mị cứu A Phủ.

Anh (chị) hãy trình bày diễn biến tâm lí và hành động của Mị trong hai cảnh đó để làm rõ tính cách của nhân vật này.

10. “*Ai ở xa về... buồn rười rượi*”. Nhận xét cách vào truyện của Tô Hoài ở tác phẩm “*Vợ chồng A Phủ*”.

**11.** Điều đặc sắc nhất ở nhân vật Mị là khát vọng tự do và hạnh phúc, khát vọng này có lúc tưởng như đã lụi tắt nhưng cuối cùng vẫn trỗi dậy mãnh liệt. Phân tích nhân vật Mị để làm sáng tỏ điều đó.

Lưu ý các sự kiện:

- a. Mị từ chối làm dâu nhà thống lí Pá Tra.
- b. Mị toan tự tử.
- c. Mị thêm đi chơi hội và bị trói trong đêm xuân.
- d. Mị cứu A Phủ.

**12.** Nhân vật Mị trong truyện “*Vợ chồng A Phủ*” của Tô Hoài là một thành công của tác giả trong việc xây dựng hình tượng con người thức tỉnh.

Anh (chị) hãy chứng minh nhận định trên.

**13.** Hãy kể lại một cách ngắn gọn truyện “*Vợ chồng A Phủ*” của Tô Hoài từ đầu đến Mị và A Phủ thoát khỏi Hồng Ngài. Hãy phân tích một chi tiết mà anh (chị) thích nhất.

**14.** Mị không ăn lá ngón tự tử vì thương cha nhưng khi cha đã chết, Mị bị đày đoạ thậm tệ nhưng cô lại không tìm đến cái chết. Hãy giải thích vì sao như thế!

**15.** Phân tích nhân vật Mị trong truyện “*Vợ chồng A Phủ*” của Tô Hoài để thấy tuổi trẻ tiềm tàng một sức sống mãnh liệt, chiến thắng những tai ách nặng nề của cuộc đời.

**16.** Phân tích truyện “*Vợ chồng A Phủ*” của Tô Hoài để thấy Mị là nhân vật điển hình cho những người phụ nữ miền núi dưới sự hà khắc của bọn địa chủ miền núi được thực dân Pháp bảo trợ.

**17.** Phân tích sức sống tiềm tàng của nhân vật Mị thể hiện trong cảnh ngộ từ khi cô bị bắt làm con dâu gạt nợ cho nhà thống lí Pá Tra đến khi trốn khỏi Hồng Ngài.

**18.** Có người cho rằng: “*Khi cắt dây trói cho A Phủ, Mị cũng tự cắt dây trói buộc cuộc đời mình vào nhà thống lí Pá Tra*”.

Anh (chị) có đồng ý như vậy không? Qua nhân vật Mị trong đoạn trích “*Vợ chồng A Phủ*”, hãy phân tích để làm sáng tỏ!

**19.** Nhân vật Mị và nhân vật A Phủ có điểm gì giống và khác nhau trong số phận và tính cách? Hãy làm rõ!

**20.** Tô Hoài rất hả hê kể việc A Phủ đánh A Sử con quan. Nhưng rồi A Phủ phải tập tễnh chọc tiết lợn hầu kẻ đánh đập mình. Rồi cũng chính A Phủ vác cọc, vác mây, chôn cọc để Pá Tra trói chặt mình lại.

Nhà văn tự mâu thuẫn với ông chăng? Theo anh (chị) thì sao?

**21.** Nhận xét về ngôi bút miêu tả phong tục, sinh hoạt và cách kể chuyện của Tô Hoài trong đoạn trích truyện ngắn “*Vợ chồng A Phủ*”.

**22.** Tác phẩm “*Vợ chồng A Phủ*” của Tô Hoài mang giá trị hiện thực và nhân đạo sâu sắc. Qua nhân vật Mị, hãy chứng minh!

23. Phân tích những đặc sắc trong nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn Tô Hoài trong truyện ngắn “Vợ chồng A Phủ”.

## KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ GIÁ TRỊ NHÂN ĐẠO CỦA MỘT TÁC PHẨM

=====

**\*Một tác phẩm có GIÁ TRỊ NHÂN ĐẠO** là một tác phẩm mà trong đó tác giả thể hiện lòng yêu thương, quý trọng con người của mình một cách sâu sắc, mãnh liệt. Lòng yêu thương, quý trọng con người đó được thể hiện ở các khía cạnh sau:

- Tác giả đồng cảm, xót thương những nỗi khổ đau của con người.
- Tác giả lên án những thế lực phi nhân đã chà đạp, cướp đi quyền sống, quyền hạnh phúc của con người.
- Tác giả trân trọng, ngợi ca những phẩm chất tốt đẹp của con người với một niềm tin mãnh liệt.

Do đó, muốn làm rõ giá trị nhân đạo của một tác phẩm, cần tập trung giải quyết 3 câu hỏi:

1. *Tác giả đã đồng cảm, xót thương ai?*
2. *Tác giả đã lên án ai?*
3. *Tác giả đã ca ngợi ai?*

**\*Giá trị nhân đạo của một tác phẩm có vai trò:**

- Thể hiện tầm vóc tư tưởng của nhà văn( “Nhà văn chân chính là nhà văn nhân đạo từ trong cốt tủy” – Bieelinxki)
- Xác lập vị trí văn học sử cho tác phẩm.

**\*Giá trị nhân đạo của một tác phẩm có tác dụng** gìn giữ, bồi đắp tính người, nâng cao trình độ thẩm mỹ cho bạn đọc.

**\*Giá trị nhân đạo không thể tách rời GIÁ TRỊ HIỆN THỰC**, vì nội hàm những vấn đề của giá trị nhân đạo đã chứa đựng, phơi bày hiện thực mang tính lịch sử của cuộc sống.

Từ đó, **muốn làm rõ giá trị hiện thực của một tác phẩm**, cần tập trung giải quyết câu hỏi:

*Trong tác phẩm, tác giả đã phản ánh vấn đề gì? ở đâu? lúc nào? có chân thật không?*